

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN  
CHỨC DANH: GIÁO SƯ****Mã hồ sơ:.....**

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Điện tử; Chuyên ngành: Điện-Điện Tử-Tự Động Hóa

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

1. Họ và tên người đăng ký: Trần Công Hùng

2. Ngày tháng năm sinh: 25/01/1961; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán: xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố: Quận 5, Sài Gòn

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh): 449/34 Lê Quang Định, phường 5, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại nhà riêng: 0903918043; Điện thoại di động: 0903918043;

E-mail: hungtc@ptit.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng, năm 06,1987 đến tháng, năm 06,1992: Cán bộ giảng dạy Khoa điện tử - Viễn thông tại Trung tâm đào tạo bưu chính viễn thông 2, TP. Hồ Chí Minh (nay là Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh)

Từ tháng, năm 06,1992 đến tháng, năm 06,1997: Cán bộ giảng dạy, Trưởng Bộ môn Truyền Số Liệu (năm 1997) tại Trung tâm đào tạo bưu chính viễn thông 2, TP. Hồ Chí Minh (nay là Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh)

Từ tháng, năm 06,1997 đến tháng, năm 06,2000: Cán bộ giảng dạy, Phó Trưởng Khoa Công Nghệ Thông Tin (năm 2000), Trưởng Bộ môn Mạng máy tính và Truyền Số Liệu (năm 2000) tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 06,2000 đến tháng, năm 06,2008: GV, Trưởng Khoa CNTT (năm 2007), Trưởng Bộ môn MMT và Truyền Số Liệu, Chủ tịch Hội đồng KH và Đào tạo KHCN (năm 2007) tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 06,2008 đến tháng, năm 11,2010: GV, Trưởng Khoa CNTT, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Khoa CNTT tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 11,2010 đến tháng, năm 05,2021: GV, Phó trưởng phòng Đào tạo và Khoa Học Công nghệ, phụ trách Sau Đại Học và Nghiên cứu khoa học tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh

Từ tháng, năm 05,2021 đến tháng, năm 12,2021: Giảng Viên tại Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh

Chức vụ: Hiện nay: Giảng Viên; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng Khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 11 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Đakao, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại cơ quan: 0283822640

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có):

8. Đã nghỉ hưu từ tháng 05 năm 2021

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông cơ sở tại Tp.Hồ Chí Minh

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 07 tháng 10 năm 1992, số văn bằng: A 10374, ngành: Vô tuyến, chuyên ngành: kỹ sư kỹ thuật thông tin

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Bách khoa Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 15 tháng 09 năm 1995, số văn bằng: A 96494, ngành: Máy tính, chuyên ngành: Kỹ sư Máy tính

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Bách khoa Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ĐH [3] ngày 15 tháng 08 năm 1998, số văn bằng: A 52486, ngành: Ngữ văn Anh, chuyên ngành: Cử nhân khoa học

Nơi cấp bằng ĐH [3] (trường, nước): Đại học Khoa học Xã Hội & Nhân Văn Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS [4] ngày 26 tháng 12 năm 1998, số văn bằng: 10026, ngành: Thạc sĩ Kỹ thuật, chuyên ngành: Điện tử Viễn thông

Nơi cấp bằng ThS [4] (trường, nước): Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng TS [5] ngày 14 tháng 12 năm 2004, số văn bằng: 03578, ngành: Tiến sĩ Kỹ thuật, chuyên ngành: Hệ thống và phương tiện truyền tin theo kênh Thông tin liên lạc

Nơi cấp bằng TS [5] (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 10 tháng 11 năm 2011, ngành: Điện tử

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Điện-Điện tử-Tự động hóa

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Mạng truyền thông thế hệ mới: Định tuyến trong các mạng tốc độ cao cụ thể là chuyển mạch nhãn đa giao thức (MPLS\_MultiProtocol Label Switching), Giải pháp đảm bảo chất lượng dịch vụ cho mạng lõi, Cơ chế chuyển giao trong Mobile IP, Mạng cảm biến không dây (Wireless Sensor Network), Điện toán đám mây (Cloud Computing) và Blockchain.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 3 NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) ... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận án ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 6 cấp Nhà nước; 3 cấp Bộ; 1 cấp Cơ sở;
- Đã công bố (số lượng) 107 bài báo khoa học, trong đó 19 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 0 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 11, trong đó 11 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 0

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

| TT       | Tên khen thưởng | Cấp khen thưởng | Năm khen thưởng |
|----------|-----------------|-----------------|-----------------|
| Không có |                 |                 |                 |

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định):

| TT       | Tên kỷ luật | Cấp ra quyết định | Số quyết định | Thời hạn hiệu lực |
|----------|-------------|-------------------|---------------|-------------------|
| Không có |             |                   |               |                   |

## B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Có sức khỏe, đáp ứng các tiêu chuẩn về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, và trình độ chuyên môn, phương pháp đào tạo, nghiên cứu khoa học và hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 23 năm năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

| TT              | Năm học     | Số lượng NCS đã hướng dẫn |     | Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn | Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD | Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp |     | Tổng số giờ giảng trực tiếp/Số giờ quy đổi/Số giờ định mức (*) |
|-----------------|-------------|---------------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------|-----|----------------------------------------------------------------|
|                 |             | Chính                     | Phụ |                                    |                                         | ĐH                                        | SDH |                                                                |
| 1               | 2015 - 2016 | 4                         |     | 5                                  | 6                                       | 328                                       | 248 | 577/1877/270                                                   |
| 2               | 2016 - 2017 | 4                         |     | 5                                  | 6                                       | 206                                       | 316 | 523,4/1823,4/270                                               |
| 3               | 2017 - 2018 | 4                         |     | 5                                  | 3                                       | 117                                       | 427 | 544,8/1769,8/270                                               |
| 03 năm học cuối |             |                           |     |                                    |                                         |                                           |     |                                                                |
| 4               | 2018 - 2019 | 4                         |     | 5                                  | 3                                       | 252                                       | 298 | 551,4/1776,4/270                                               |
| 5               | 2019 - 2020 | 4                         |     | 7                                  |                                         | 209                                       | 270 | 479,2/1724,2/270                                               |

|   |             |   |  |   |  |     |     |                 |
|---|-------------|---|--|---|--|-----|-----|-----------------|
| 6 | 2020 - 2021 | 4 |  | 5 |  | 158 | 165 | 323,4/323,4/270 |
|---|-------------|---|--|---|--|-----|-----|-----------------|

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ

#### 3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài ☐:

- Học ĐH ☐; Tại nước: ; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☐ hoặc TSKH ☐; Tại nước: năm

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước ☒:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Đại học Khoa học Xã Hội & Nhân Văn Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam số bằng: A 52486; năm cấp: 1998

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài ☒:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Viễn thông Campuchia (2/11/2010 Chuyên đề MPLS (Chuyên Mạch Nhân Đa Giao Thức)).

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

#### 3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Cử nhân Anh Văn

#### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

| TT | Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT | Đối tượng |                  | Trách nhiệm hướng dẫn |     | Thời gian hướng dẫn từ ... đến ... | Cơ sở đào tạo                           | Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng |
|----|-------------------------------|-----------|------------------|-----------------------|-----|------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------|
|    |                               | NCS       | HVC H/CK 2/BS NT | Chính                 | Phụ |                                    |                                         |                                                       |
| 1  | Dương Thị Thủy Vân            | X         |                  |                       | X   | 06/2011 đến 07/2016                | Học viện Công nghệ Bưu Chính Viễn Thông | 15/07/2016                                            |
| 2  | Cao Thái Phương Thanh         | X         |                  | X                     |     | 03/2012 đến 08/2017                | Học viện Công nghệ Bưu Chính Viễn Thông | 18/08/2017                                            |
| 3  | Huỳnh Trọng Thừa              | X         |                  | X                     |     | 12/2011 đến 01/2018                | ĐHQG-ĐH Bách khoa Tp.HCM                | 31/01/2018                                            |

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

## 5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học trở lên

| TT                              | Tên sách                                                                                | Loại sách<br>(CK, GT,<br>TK, HD) | Nhà xuất<br>bản và năm<br>xuất bản                                          | Số<br>tác<br>giả | Chủ<br>biên | Phầ<br>n<br>biên<br>soạn<br>(từ<br>tran<br>g ...<br>đến<br>tran<br>g) | Xác nhận của cơ sở<br>GDĐH (Số văn bản<br>xác nhận sử dụng<br>sách) |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| Trước khi được công nhận PGS/TS |                                                                                         |                                  |                                                                             |                  |             |                                                                       |                                                                     |
| 1                               | Kỹ thuật Mạng Riêng Ảo VPN<br>(248 trang)                                               | TK                               | Nhà xuất<br>bản Bưu<br>Điện,<br>08/2002,<br>năm 2002                        | 1                | MM          | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách)                                       | 44/NXB                                                              |
| 2                               | Kỹ thuật Mạng Máy Tính (260<br>trang)                                                   | TK                               | Nhà xuất<br>bản Bưu<br>Điện,<br>05/2002,<br>năm 2002                        | 1                | MM          | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách)                                       | 21/NXB                                                              |
| 3                               | Kỹ Thuật Mạng Framelay<br>(298 trang)                                                   | TK                               | Nhà xuất<br>bản Bưu<br>Điện,<br>01/2002,<br>năm 2002                        | 1                | MM          | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách)                                       | 02/NXB                                                              |
| 4                               | Chất Lượng Mạng Tốc Độ Cao<br>(304 trang)                                               | TK                               | Nhà xuất<br>bản Bưu<br>Điện,<br>11/2005,<br>năm 2005                        | 1                | MM          | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách)                                       | 71/NXB                                                              |
| 5                               | Kiến Trúc Máy Tính Tiên Tiến<br>(259 trang)                                             | TK                               | Nhà xuất<br>bản Thông<br>Tin và<br>Truyền<br>Thông,<br>07/2011,<br>năm 2011 | 1                | MM          | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách)                                       | 143/QĐ-NXB-TTTT                                                     |
| Sau khi được công nhận PGS/TS   |                                                                                         |                                  |                                                                             |                  |             |                                                                       |                                                                     |
| 6                               | Tiết kiệm năng lượng trong<br>mạng cảm biến không dây (108<br>trang) (Sách chuyên khảo) | CK                               | Nhà xuất<br>bản Thông<br>tin và<br>Truyền                                   | 1                | MM          | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách)                                       | 332/QĐ-NXB-TTTT                                                     |

|    |                                                   |    |                                                                                                                                   |   |    |                                 |                 |
|----|---------------------------------------------------|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|---------------------------------|-----------------|
|    |                                                   |    | thông,<br>09/2018<br>ISBN: 978-<br>604-80-<br>3251-7, năm<br>2018                                                                 |   |    | n<br>sách)                      |                 |
| 7  | Giáo trình Mạng Máy Tính<br>Nâng Cao (264 trang)  | GT | Nhà xuất<br>bản Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông,<br>09/2018<br>ISBN: 978-<br>604-80-<br>3351-4, năm<br>2018                    | 1 | MM | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách) | 1447/QĐ-ĐHTDM   |
| 8  | Giáo trình Mạng Cầm Biễn<br>(254 trang)           | GT | Nhà xuất<br>bản Thông<br>tin và<br>Truyền<br>thông,<br>07/2020<br>ISBN: 978-<br>604-80-<br>4729-0, năm<br>2020                    | 1 | MM | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách) | 448/QĐ-HV       |
| 9  | Chuyển Mạch Nhãn Đa Giao<br>Thức_MPLS (294 trang) | TK | Nhà xuất<br>bản Thông<br>Tin và<br>Truyền<br>Thông,<br>09/2015 (Tái<br>Bản lần 2)<br>ISBN: 978-<br>604-80-<br>1280-9, năm<br>2015 | 1 | MM | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách) | 98/QĐ-NXB-TTTT  |
| 10 | Kỹ Thuật Thoại Trên IP- VoIP<br>(344 trang)       | TK | Nhà xuất<br>bản Thông<br>Tin và<br>Truyền<br>Thông,<br>09/2015 (Tái<br>Bản lần 2)<br>ISBN: 978-<br>604-80-<br>1279-3, năm<br>2015 | 1 | MM | (Toà<br>n<br>quyề<br>n<br>sách) | 248/QĐ-NXB-TTTT |

|    |                                                |    |                                                                                      |   |    |                                 |                 |
|----|------------------------------------------------|----|--------------------------------------------------------------------------------------|---|----|---------------------------------|-----------------|
| 11 | Quản Trị và Bảo Mật Mạng Không Dây (381 trang) | TK | Nhà xuất bản Thông Tin và Truyền Thông, 08/2013<br>ISBN: 978-604-80-0185-8, năm 2013 | 1 | MM | (Toà<br>n<br>quyể<br>n<br>sách) | 168/QĐ-NXB-TTTT |
|----|------------------------------------------------|----|--------------------------------------------------------------------------------------|---|----|---------------------------------|-----------------|

Trong đó, số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 6 ( [6] [7] [8] [9] [10] [11] )

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu**

| TT                              | Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)                                                           | CN/PCN/<br>TK | Mã số và<br>cấp quản<br>lý | Thời<br>gian<br>thực<br>hiện | Thời gian<br>nghiệm thu<br>(ngày, tháng,<br>năm) / Kết<br>quả |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|----------------------------|------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| Trước khi được công nhận PGS/TS |                                                                                                          |               |                            |                              |                                                               |
| 1                               | Advanced Routing and Traffic Engineering in MultiProtocol Label Switching Networks                       | CN            | 41A/HĐ-KHCN, cấp Nhà nước  | 01/08/2005 đến 31/12/2005    | Tháng 2/2006 / Xuất sắc                                       |
| 2                               | Inter-operation between IPv4 and IPv6 networks to provide IP mobility service in QoS supporting networks | CN            | 38/HĐ-KHCN, cấp Nhà nước   | 01/07/2006 đến 31/12/2006    | Tháng 2/2007/ Xuất sắc                                        |
| 3                               | The Performance Analysis for IP Mobility Handover                                                        | CN            | 61/HĐ-KHCN, cấp Nhà nước   | 01/06/2007 đến 31/12/2007    | Tháng 2/2008/ Rất Xuất sắc                                    |
| 4                               | Mobility Management in Wireless Mesh Networks                                                            | CN            | 71A/HĐ-KHCN, cấp Nhà nước  | 01/08/2008 đến               | Tháng 2/2009/ Xuất sắc                                        |

|                               |                                                                                                                                                              |    |                                  |                           |                    |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------------------------------|---------------------------|--------------------|
|                               |                                                                                                                                                              |    |                                  | 31/01/2009                |                    |
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                                                                                                                              |    |                                  |                           |                    |
| 5                             | Cải tiến hiệu năng của các thuật toán điều khiển tắc nghẽn Multipath TCP                                                                                     | TK | 102.02-2013.48, cấp Nhà nước     | 01/12/2013 đến 01/12/2018 | Tháng 12/2018/ Đạt |
| 6                             | Nghiên Cứu Tách, Nhận Dạng Và Theo Dõi Tư Thế Của Người Từ Một Chuỗi Ảnh Chiều Sâu Mà Không Cần Huấn Luyện Trước                                             | TK | 102.05-2013.11, cấp Nhà nước     | 01/12/2013 đến 01/12/2017 | 23/09/2017 Đạt     |
| 7                             | Nghiên cứu, triển khai OpenVPN tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Bình Dương                                                                       | CN | 05/HĐ-SKHCHN, cấp Bộ             | 01/05/2012 đến 01/05/2013 | Tháng 11/2013/ Khá |
| 8                             | Nghiên cứu hiện trạng và thử nghiệm các giải pháp xác thực đa yếu tố nhằm tăng cường an toàn thông tin cho các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Dương | CN | 41/HĐ-SKHCHN, cấp Bộ             | 01/08/2016 đến 01/08/2017 | 25/08/2017/ Đạt    |
| 9                             | Thiết kế hệ thống cơ sở dữ liệu doanh nghiệp dùng chung phục vụ thành phố thông minh tỉnh Bình Dương                                                         | CN | 1408/HĐT V/STTTT-PVNCTĐH, cấp Bộ | 01/08/2019 đến 01/12/2019 | 24/12/2019/ Đạt    |
| 10                            | Xây dựng hệ thống xác thực dữ liệu người dùng dựa trên hệ thống mạng blockchain                                                                              | CN | 15-HV-2020-RD-TH2, cấp Cơ sở     | 01/06/2020 đến 01/12/2020 | 05/12/2020/ Đạt    |

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

| TT | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi) | Số lần trích dẫn (không tính tự) | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------|
|----|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|---------------------------------------------------|----------------------------------|----------------|--------------------|



|                                 |                                                                   |   |       |                                                                                                                                                                                                     |  | trích<br>dẫn) |         |             |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---------------|---------|-------------|
| Trước khi được công nhận PGS/TS |                                                                   |   |       |                                                                                                                                                                                                     |  |               |         |             |
| 1                               | B - ISDN<br>Performance<br>parameters and<br>Measuring<br>methods | 1 | Có    | Proceedings, Hội nghị<br>ICTACT ' 99 (The 1st<br>International<br>conference on<br>Advanced<br>Communication<br>Technology), pp. 215-<br>220, 10-12/2/1999, Tổ<br>chức tại Muju resorts,<br>Korea   |  |               | 215-220 | 02/199<br>9 |
| 2                               | An overview of<br>ATM<br>technology                               | 1 | Có    | Proceedings, Hội nghị<br>ICTACT ' 99 (The 1st<br>International<br>conference on<br>Advanced<br>Communication<br>Technology), pp. 279-<br>284, 10-12/2/1999, Tổ<br>chức tại Muju resorts,<br>Korea   |  |               | 279-284 | 02/199<br>9 |
| 3                               | ATM Network<br>management<br>architectures                        | 1 | Có    | Proceedings, Hội nghị<br>ICTACT ' 2000 (The<br>2nd International<br>conference on<br>Advanced<br>Communication<br>Technology), pp. 603-<br>608, 16-18/2/2000, Tổ<br>chức tại Muju resorts,<br>Korea |  |               | 603-608 | 02/200<br>0 |
| 4                               | Traffic control<br>and measuring<br>methods in<br>ATM networks    | 1 | Có    | Proceedings, Hội nghị<br>ICTACT ' 2000 (The<br>2nd International<br>conference on<br>Advanced<br>Communication<br>Technology), pp. 341-<br>346, 16-18/2/2000, Tổ<br>chức tại Muju resorts,<br>Korea |  |               | 341-346 | 02/200<br>0 |
| 5                               | Simulating<br>ATM<br>Technology on<br>High-speed                  | 2 | Không | Proceedings, Hội nghị<br>khoa học quốc tế lần 3<br>giữa ETRI & PTIT,<br>pp. 41-52, 3-4/7                                                                                                            |  |               | 41-52   | 07/200<br>0 |

|    |                                                                                             |   |       |                                                                                                                                                                         |  |  |         |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------|---------|
|    | Networks to support the training at PTIT                                                    |   |       | /2000, Tổ chức tại Korea                                                                                                                                                |  |  |         |         |
| 6  | Fault Management and Measuring Methodes in ATM Networks                                     | 2 | Không | Proceedings, Hội nghị khoa học quốc tế lần 3 giữa ETRI & PTIT, pp. 57-62, 3-4/7 /2000, Tổ chức tại Korea                                                                |  |  | 57-62   | 07/2000 |
| 7  | Illustration of The Traffic Conformance in ATM                                              | 3 | Có    | Proceedings, Hội nghị khoa học quốc tế lần 5 giữa ETRI & PTIT, pp. 37-49, 14-15/6/2002, Tổ chức tại Korea                                                               |  |  | 37-49   | 06/2002 |
| 8  | The Traffic Conformance in ATM Network                                                      | 3 | Có    | Proceedings, Hội nghị AIC (Asian Info-communications Council) lần thứ 28 tổ chức tại Manila, Philippines, pp. 1-11, 11-15/11/2002                                       |  |  | 1-11    | 11/2002 |
| 9  | Performance parameters for cell transfer variations and cell transfer timing in ATM Network | 4 | Có    | Proceedings, Hội nghị AIC (Asian Info-communications Council) lần thứ 28 tổ chức tại Manila, Philippines, pp. 12-20, 11-15/11/2002                                      |  |  | 12-20   | 11/2002 |
| 10 | ATM Network's delay parameter measurement using simulation method                           | 4 | Có    | Proceedings, Hội nghị ICACT ' 2003 (The 5th International conference on Advanced Communication Technology), pp. 618-622, 20-22/1/2003, Tổ chức tại Phoenix Park, Korea  |  |  | 618-622 | 01/2003 |
| 11 | A Study on Advanced Routing and Traffic Engineering in MultiProtocol Label                  | 2 | Không | Proceedings, Hội nghị khoa học quốc tế lần 7 về kinh tế, Tin học, và Viễn thông giữa ETRI & PTIT, tại Tp.Hồ Chí Minh (Việt nam), Được tổ chức bởi ETRI (Electronics and |  |  | 133-143 | 10/2004 |

|    |                                                                                    |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  |       |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|-------|---------|
|    | Switching Networks                                                                 |   |       | Telecommunications Research Institute, Korea) và PTIT (Posts and Telecommunications Ins                                                                                                                                                                         |  |  |       |         |
| 12 | A Study on Advanced Routing and Diffserv in MultiProtocol Label Switching Networks | 2 | Có    | Proceedings, Hội nghị AIC (Asian Info-communications Council), lần thứ 31 tổ chức tại Shenzhen, China, pp.1-12, 22-26/11/2004                                                                                                                                   |  |  | 1-12  | 11/2004 |
| 13 | Introdution to Bluetooth and Bluetooth enabled Java Applications for Mobile Phones | 2 | Có    | Proceedings, Hội nghị AIC (Asian Info-communications Council), lần thứ 32 tổ chức tại Halong bay, VietNam, pp. 1-10, 16-20/5/2005                                                                                                                               |  |  | 1-10  | 05/2005 |
| 14 | Fast Reroute in MPLS Network and Design MPLS Network for PTIT                      | 2 | Có    | Proceedings, Hội nghị Công nghệ Thông tin lần 8 PTIT-ETRI, Tổ chức tại Muju Resort, KOREA, Được tổ chức bởi ETRI (Electronics and Telecommunications Research Institute, Korea) và PTIT (Posts and Telecommunications Institute of Technology, VietNam), pp. 91 |  |  | 91-97 | 11/2005 |
| 15 | Advanced Routing Algorithms on MPLS                                                | 3 | Có    | Proceedings, Hội nghị AIC (Asian Info-communications Council), lần thứ 34 tổ chức tại Ubon Ratchathani, Thailand, pp. 1-11, 15-19/5/2006                                                                                                                        |  |  | 1-11  | 05/2006 |
| 16 | Mobile IP and its trends for changing from IPv4 to IPv6                            | 2 | Không | Hội nghị ASIA-PACIFIC SEMINAR ON NEXT GENERATION MOBILE                                                                                                                                                                                                         |  |  | 1-17  | 12/2006 |

|    |                                                                                                               |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |    |                 |             |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----|-----------------|-------------|
|    |                                                                                                               |   |       | COMMUNICATIONS<br>2006 (AP-<br>NeGeMo'06), được tổ<br>chức bởi NICT<br>(National Institute of<br>Information and<br>Communications<br>Technology), pp. 1-17,<br>06/12/2006, YRP<br>R&D Promotion<br>Committee,<br>(Yokosuka Telecom<br>Resea                                  |  |    |                 |             |
| 17 | Advanced<br>Routing<br>Algorithms and<br>Load Balancing<br>on MPLS                                            | 7 | Có    | IEEE, ISSN: 1738-<br>9445 ISBN: 978-89-<br>5519-131-8-93560<br>Proceedings Hội nghị<br>ICACT ' 2007 (The<br>9th International<br>conference on<br>Advanced<br>Communication<br>Technology), lần thứ<br>9, Tổ chức tại Phoenix<br>Park, Korea, pp. 1886-<br>1891, 12-14/2/2007 |  | 23 | 3 1886-<br>1891 | 02/200<br>7 |
| 18 | Mechanisms of<br>Mobile IP in<br>delivering<br>packets and its<br>trends for<br>changing from<br>IPv4 to IPv6 | 2 | Không | IEEE , ISSN: 1738-<br>9445 ISBN: 978-89-<br>5519-131-8-93560<br>Proceedings Hội nghị<br>ICACT 2007 (The 9th<br>International<br>Conference on<br>Advanced<br>Communication<br>Technology), lần thứ<br>9, Tổ chức tại Phoenix<br>Park, Korea, pp. 1027-<br>1032, 12-14/2/2007  |  | 5  | 2 1027-<br>1032 | 02/200<br>7 |
| 19 | Interoperability<br>between Mobile<br>IPv4 and<br>Mobile IPv6<br>based on MPLS<br>core network                | 4 | Có    | IEEE ISSN: 1738-<br>9445 ISBN: 978-89-<br>5519-131-8-93560<br>Proceedings Hội nghị<br>ICACT 2007 (The 9th<br>International<br>Conference on<br>Advanced<br>Communication<br>Technology), lần thứ                                                                              |  | 6  | 2 1187-<br>1190 | 02/200<br>7 |

|    |                                                                          |   |    |                                                                                                                                                                                                                                                                  |  |    |             |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------|---|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----|-------------|---------|
|    |                                                                          |   |    | 9, Tổ chức tại Phoenix Park, Korea, pp. 1187-1190, 12-14/2/2007                                                                                                                                                                                                  |  |    |             |         |
| 20 | Mobile IP Handover: A Comparative survey of seamless handover mechanisms | 5 | Có | Proceedings, Hội nghị công nghệ thông tin lần thứ 10 PTIT-ETRI, Được tổ chức bởi ETRI (Electronics and Telecommunications Research Institute, Korea) và PTIT (Posts and Telecommunications Institute of Technology, VietNam), Tổ chức tại Hà Nội, pp. 19-24, 12/ |  |    | 1 19-24     | 09/2007 |
| 21 | A Comparative survey of seamless handover mechanisms                     | 5 | Có | Proceedings, Hội nghị AIC (Asian Info-communications Council), lần thứ 36 tổ chức tại Manila, Philippine. Mã số No.118., pp. 1-8, 19-23 /11/2007                                                                                                                 |  |    | 1 1-8       | 11/2007 |
| 22 | Improving handover performance in Mobile IPv6                            | 5 | Có | IEEE ISSN: 1738-9445 ISBN: 978-89-5519-135-6<br>Proceedings Hội nghị ICACT 2008 (The 10th International Conference on Advanced Communication Technology), lần thứ 10, tại Phoenix Park, Korea, pp. 1828-1831, 17-20/2/2008                                       |  | 15 | 3 1828-1831 | 02/2008 |
| 23 | A Study on Wireless Mesh Networks                                        | 3 | Có | Proceedings, Hội nghị ASIA-PACIFIC SEMINAR ON NEXT GENERATION MOBILE COMMUNICATIONS 2009 (AP-NeGeMo'09), được tổ chức bởi NICT (National Institute of                                                                                                            |  |    | 1 1-9       | 01/2009 |

|    |                                                                                                                  |   |    |                                                                                                                                                                                                                 |  |    |           |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----|-----------|---------|
|    |                                                                                                                  |   |    | Information and Communications Technology), YRP R&D Promotion Committee, (Yokosuka Telecom Research Park,                                                                                                       |  |    |           |         |
| 24 | The Proposed Improvement 3-Layer Mobility Management Scheme for Wireless Mesh Networks Using IP Prefix Mechanism | 7 | Có | IEEE ISSN: 1738-9445 ISBN: 978-89-5519-139-4<br>Proceedings Hội nghị ICACT 2009 (International Conference on Advanced Communication Technology), lần thứ 11, tại Phoenix Park, Korea, pp. 953-958, 15-18/2/2009 |  | 3  | 2 953-958 | 02/2009 |
| 25 | A Study On Any Transport Over MPLS (AToM)                                                                        | 3 | Có | IEEE ISSN: 1738-9445 ISBN: 978-89-5519-145-5<br>Proceedings Hội nghị ICACT 2010 (International Conference on Advanced Communication Technology), lần thứ 12, tại Phoenix Park, Korea, pp. 64-70, 7-10/2/2010    |  | 5  | 1 64-70   | 02/2010 |
| 26 | Analyze and Evaluate the performance of SCTP at Transport layer                                                  | 2 | Có | IEEE ISSN: 1738-9445 ISBN: 978-89-5519-145-5<br>Proceedings Hội nghị ICACT 2010 (International Conference on Advanced Communication Technology), lần thứ 12, tại Phoenix Park, Korea, pp. 294-299, 7-10/2/2010  |  | 15 | 1 294-299 | 02/2010 |
| 27 | Prefeasibility Study for the                                                                                     | 4 | Có | Proceedings Hội nghị “The 14th World                                                                                                                                                                            |  |    | 1 78-82   | 07/2010 |

|    |                                                                                                                                          |   |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |   |             |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-------------|---------|
|    | Development of IPTV Service on The Network Infrastructure of Fixed Network Operators                                                     |   |    | Multi-Conference on Systemics, Cybernetics and Informatics: WMSCI 2010, June 29th - July 2nd, 2010 – Orlando, Florida, USA, <a href="http://www.iiis2010.org/wmsci/">http://www.iiis2010.org/wmsci/</a> , pp. 78-82                                                                                                                                    |  |   |             |         |
| 28 | <a href="#">Handover in Wireless Mesh Network</a>                                                                                        | 3 | Có | Journal of Communication and Computer, ISSN 1548-7709, Volume 7, Number 8, August 2010 (Serial Number 69), pages 24-30, USA                                                                                                                                                                                                                            |  | 2 | 7, 24-30    | 08/2010 |
| 29 | Mobile IPv6 Fast Handover Techniques                                                                                                     | 2 | Có | IEEE, ISSN: 1738-9445, ISBN: 978-89-5519-154-7, Proceedings Hội nghị ICACT 2011 (International Conference on Advanced Communication Technology), lần thứ 13, Korea, tập 1, trang 1304-1308, 13-16/02/2011                                                                                                                                              |  | 8 | 1 1304-1308 | 02/2011 |
| 30 | <a href="#">A Feature Extraction Method and Recognition Algorithm for Detection Unknown Worm and Variations based on Static Features</a> | 2 | Có | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science and Technology, ISSN 1925-2676, May 2011, Canada , pp. 1-7<br>Website: <a href="http://www.cyberjournals.com/papers.html">http://www.cyberjournals.com/papers.html</a><br>Và <a href="http://www.cyberjournals.com/Papers/Apr2011/13.pdf">http://www.cyberjournals.com/Papers/Apr2011/13.pdf</a> |  |   | 1 1-7       | 05/2011 |
| 31 | <a href="#">RFID Reader Deployment Strategy using Genetic Algorithm</a>                                                                  | 2 | Có | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science and Technology, ISSN 1925-2676, pages 39-45, September 2011,                                                                                                                                                                                                                                     |  | 1 | 1 39-45     | 09/2011 |

|                               |                                                                                      |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |   |             |         |
|-------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-------------|---------|
|                               |                                                                                      |   |       | Canada Website:<br><a href="http://www.cyberjournals.com/Sep2011.html">http://www.cyberjournals.com/Sep2011.html</a><br>and<br><a href="http://www.cyberjournals.com/Papers/Sep2011/09.pdf">http://www.cyberjournals.com/Papers/Sep2011/09.pdf</a>                                                                       |  |   |             |         |
| Sau khi được công nhận PGS/TS |                                                                                      |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |   |             |         |
| 32                            | A weighted Combination Similarity Measure for Mobility Patterns in Wireless Networks | 3 | Không | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC), pages 21-35, Vol.4, No.3, May 2012, ISSN: 0974-9322 (Online) 0975-2293 (Print), DOI: 10.5121/ijcnc.2012.4302, German, Website: <a href="http://airccse.org/journal/cnc/0512cnc02.pdf">http://airccse.org/journal/cnc/0512cnc02.pdf</a>              |  | 5 | 4 21-35     | 05/2012 |
| 33                            | Future Location Prediction in Wireless Network Based on Spatiotemporal Data Mining   | 3 | Có    | Journal of Communication and Computer, ISSN 1548-7709 (Print), ISSN 1930-1553 (Online), Volume 9, Number 4, April 2012 (Serial Number 89), pages 21-35, Abstracted/Indexed in Database of EBSCO, Massachusetts, USA. <a href="http://www.davidpublishing.com/journals_in">http://www.davidpublishing.com/journals_in</a> |  | 4 | 9, 4, 21-35 | 04/2012 |
| 34                            | Spatiotemporal Data Mining for Mobility Prediction in Wireless Network               | 3 | Không | Proceedings of the Fifth National Conference- Fundamental and Applied Information Technology Research (FAIR)- NAFOSTED, pages 227-238, August 11-12, 2011, Vietnam                                                                                                                                                       |  | 9 | 1 227-238   | 08/2011 |
| 35                            | Research Handover on Mobile IP                                                       | 2 | Có    | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science                                                                                                                                                                                                                                                                    |  | 2 | 1 42-49     | 07/2012 |



|    |                                                                                                       |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                                                 |   |           |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|---|-----------|---------|
|    |                                                                                                       |   |       | and Technology, ISSN 1925-2676, pages 42-49, July 2012, Canada<br>Website:<br><a href="http://www.cyberjournals.com/Jul2012.html">http://www.cyberjournals.com/Jul2012.html</a><br><a href="http://www.cyberjournals.com/Papers/Jul2012/07.pdf">http://www.cyberjournals.com/Papers/Jul2012/07.pdf</a> |                                                 |   |           |         |
| 36 | Bandwidth Guaranteed Routing Algorithms for Traffic Engineering: An Application Case on MPLS Networks | 2 | Không | Journal of Science and Technology, VietNam Academy of Science and Technology, ISSN 0866 708X, pages 75-86, Vol.50, No.2A, september 2012, Viet Nam                                                                                                                                                     |                                                 |   | 50 75-86  | 12/2012 |
| 37 | Study of Bandwidth Guaranteed Routing Algorithms for Traffic Engineering                              | 2 | Không | Advanced Methods for Computational Collective Intelligence, SCI 457, pp. 313-322, DOI: 10.1007/978-3-642-34300-1_30, @Springer-Verlag Berlin Heidelberg 2013, ISSN 1860-949X, ISBN 978-3-642-34299-8, London, IF (Scopus) = 0.79                                                                       | Book Chapter IF (0.79)<br>Scopus - SCI IF: 0.79 |   | 1 313-322 | 07/2013 |
| 38 | Balancing latency and energy efficiency in wireless sensor networks: A Comparative Study              | 3 | Không | The International Conference on Computing, Management & Telecommunications ComManTel'13, 21-24 January 2013, Ho Chi Minh City, Vietnam, pp. 181-186, IEEE Catalog Number: CFP 1323T-CDR, ISBN: 978-1-4673-2086-3, : 978-1-4673-2088-7/13/\$31.00C2013 IEEE                                             |                                                 | 4 | 1 181-186 | 01/2013 |
| 39 | Discovering Movement                                                                                  | 3 | Không | Journal of Science and Technology, VietNam                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                 |   | 51 30-43  | 09/2013 |

|    |                                                                                                    |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |    |           |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|----|-----------|---------|
|    | Similarity of Mobile Users in Wireless Networks                                                    |   |       | Academy of Science and Technology, ISSN 0866-708X, pages 30-43, Vol.51, No.4A, september 2013, Viet Nam                                                                                                                                                                                    |  |    |           |         |
| 40 | Energy Efficient Delay-aware Routing in Multi-tier Architecture for Wireless Sensor Networks       | 3 | Không | Proceedings, The 2013 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC'13), IEEE Communications Society, 16-18 October 2013, Ho Chi Minh city, Vietnam, On page(s): 603-608, IEEE Catalog Number: CFP13ATC-PRT, ISBN: 978-1-4799-1086-                            |  | 12 | 1 603-608 | 10/2013 |
| 41 | Comparison and Evaluation of Sequential Pattern Mining Method for Predicting Handover in Mobile IP | 2 | Có    | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science and Technology, Journal of Selected Areas in Telecommunications (JSAT), september Edition, 2013, Volume 3, Issue 9, ISSN 1925-2676, pages 01-07, September 2013, Canada Website: <a href="http://www.cyberjo">http://www.cyberjo</a> |  |    | 3 01-07   | 09/2013 |
| 42 | Survey traffic matrix for optimizing network performance                                           | 3 | Có    | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science and Technology, Journal of Selected Areas in Telecommunications (JSAT), October Edition, 2013 Volume 3, Issue 10, ISSN 1925-2676, pages 29-35, October 2013, Canada Website:                                                         |  |    | 3 29-35   | 10/2013 |

|    |                                                                                |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |  |   |          |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|----------|---------|
|    |                                                                                |   |       | <a href="http://www.cyberjournals">http://www.cyberjournals</a>                                                                                                                                                                                                                                          |  |   |          |         |
| 43 | Data Mining Assisted Resource Management in Wide WLANs                         | 3 | Không | 2nd International Conference on Context-Aware Systems and Applications (ICCASA 2013), pages: 1-10, November 25–26, 2013, Phu Quoc, Vietnam. Springer Publication, published by Springer as Volume 128 of LNICST series, ISI Proceedings. <a href="http://iccas.org/201">http://iccas.org/201</a>         |  | 1 | 128 1-10 | 11/2013 |
| 44 | Low complexity bandwidth guaranteed routing algorithms using path holding time | 3 | Không | Proceedings, 5th International Conference of Soft Computing and Pattern Recognition (SoCPaR 2013), IEEE conference, pages: 92-97, December 15-18, 2013, Hanoi, Vietnam, IEEE Catalog Number: CFP1395H-ART, ISBN: 978-1-4799-3400-3 <a href="http://www.mirlabs.net/socp">http://www.mirlabs.net/socp</a> |  | 2 | 1 92-97  | 12/2013 |
| 45 | A mobility prediction model based on group behaviors in wireless networks      | 3 | Không | Proceedings of the 6th National Conference on Fundamental and Applied Information Technology Research (FAIR)-NAFOSTED, pages: 10-17, June 20–21, 2013, Thua Thien-Hue, Vietnam                                                                                                                           |  |   | 1 10-17  | 06/2013 |
| 46 | Generating Association Rules bases on The K-means Algorithm                    | 2 | Có    | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science and Technology, Journal of Selected Areas in Telecommunications                                                                                                                                                                                    |  |   | 3 06-11  | 12/2013 |

|    |                                                                              |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |  |         |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------|---|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------|---------|
|    |                                                                              |   |       | (JSAT), December Edition, 2013 Volume 3, Issue 12, ISSN 1925-2676, pages 06-11, December 2013, Canada Website: <a href="http://www.cyberjournala">http://www.cyberjournala</a>                                                                                                                                         |  |  |         |         |
| 47 | Sequential Multidimensional Scaling For Realtime Sensor Network Localization | 5 | Không | Proceedings, The 2014 International Conference on Green and Human Information Technology (ICGHIT 2014), pp. 186-191, february 12th-14th, 2014, Ho Chi Minh city, Vietnam, 978-1-4799-3792-9/14/\$31.00@2014 IEEE, Website: <a href="http://www.icghit.org/article/about-i">http://www.icghit.org/article/about-i</a>   |  |  | 186-191 | 02/2014 |
| 48 | Multipath FAST TCP for Large Bandwidth-Delay Product Networks                | 4 | Không | Proceedings, The 2014 International Conference on Green and Human Information Technology (ICGHIT 2014), pp. 228-231, february 12th-14th, 2014, Ho Chi Minh city, Vietnam, 978-1-4799-3792-9/14/\$31.00@2014 IEEE, Website: <a href="http://www.icghit.org/article/about-ic">http://www.icghit.org/article/about-ic</a> |  |  | 228-231 | 02/2014 |
| 49 | A Novel Traffic Engineering Routing Algorithm                                | 3 | Không | Proceedings, The first NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2014), ISSN 2194-5357, ISBN 978-604-67-0228-3, pp.209-218, Mar. 13th-14th, 2014, HaNoi, Vietnam,                                                                                                                                  |  |  | 209-218 | 03/2014 |

|    |                                                                                        |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |  |   |           |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-----------|---------|
|    |                                                                                        |   |       | Website: <a href="http://www.nafosted.gov.vn/nics2014/">http://www.nafosted.gov.vn/nics2014/</a>                                                                                                                                                                                                                                                                                           |  |   |           |         |
| 50 | Application Of The Spatial Division Multiplexing Technique In Cooperative Mimo Systems | 3 | Không | Journal of Science and Technology Development ISSN: 1859-0128, 2014, Vol.17, pp.5-12                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |   | 17 5-12   | 07/2014 |
| 51 | <a href="#">A Proposal for Improve The Life-Time of Wireless Sensor Network</a>        | 2 | Có    | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC) Vol.6, No.5, September 2014, ISSN:0974-9322 [Online]; 0975-2293 [Print], DOI: 10.5121/ijcnc.2014.6504, pp.59-69, German, <a href="http://airccse.org/journal/ijc2014.html">http://airccse.org/journal/ijc2014.html</a> , <a href="http://airccse.org/journal/ijc2014.html">http://airccse.org/journal/ijc2014.html</a> |  | 5 | 6 59-69   | 09/2014 |
| 52 | <a href="#">A heuristic algorithm for bandwidth delay constrained routing</a>          | 3 | Không | Proceedings of The 2014 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC'14), 15-17 October, 2014, Ha Noi, Viet Nam, ATC 2014, ISSN: 2162-1020, ISBN: 978-1-4799-6955-5, IEEE Catalog Number: CFP14ATC-PRT, <a href="http://www.rev-conf.org/">http://www.rev-conf.org/</a> ,                                                                                     |  | 4 | 1 99-104  | 10/2014 |
| 53 | <a href="#">Traffic Sign Recognition using Multi-Class Morphological Detection</a>     | 3 | Không | Proceedings of The 2014 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC'14), 15-17                                                                                                                                                                                                                                                                               |  |   | 1 274-279 | 10/2014 |

|    |                                                                                                                       |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |  |   |           |         |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-----------|---------|
|    |                                                                                                                       |   |       | October, 2014, Ha Noi, Viet Nam, ATC 2014, ISSN: 2162-1020, ISBN: 978-1-4799-6955-5, IEEE Catalog Number: CFP14ATC-PRT, <a href="http://www.rev-conf.org/">http://www.rev-conf.org/</a> ,                                                                                                              |  |   |           |         |
| 54 | Prolong the Network Lifetime by Optimal Clustering based on Intelligent Search Algorithms in Wireless Sensor Networks | 4 | Không | Proceedings of The 2014 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC'14), 15-17 October, 2014, Ha Noi, Viet Nam, ATC 2014, ISSN: 2162-1020, ISBN: 978-1-4799-6955-5, IEEE Catalog Number: CFP14ATC-PRT, <a href="http://www.rev-conf.org/">http://www.rev-conf.org/</a> , |  |   | 1 251-255 | 10/2014 |
| 55 | A Hybrid Multipath Congestion Control Algorithm for High Speed and/or Long Delay Networks                             | 5 | Không | Proceedings of The 2014 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC'14), 15-17 October, 2014, Ha Noi, Viet Nam, ATC 2014, ISSN: 2162-1020, ISBN: 978-1-4799-6955-5, IEEE Catalog Number: CFP14ATC-PRT, <a href="http://www.rev-conf.org/">http://www.rev-conf.org/</a> , |  | 4 | 1 452-456 | 10/2014 |
| 56 | Solving Bandwidth-Guaranteed Routing Problem using Routing Data                                                       | 3 | Không | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC) Vol.6, No.6, November 2014, ISSN:0974-9322 [Online]; 0975-2293                                                                                                                                                                     |  |   | 6 97-108  | 11/2014 |

|    |                                                                                                                                                                        |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |  |   |               |             |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|---------------|-------------|
|    |                                                                                                                                                                        |   |       | [Print], DOI:<br>10.5121/ijenc.2014.66<br>07, pp.97-108,<br>German,<br><a href="http://airccse.org/journal/ijc2014.html">http://airccse.org/journal/ijc2014.html</a> ,<br><a href="http://airccse.org/journal/">http://airccse.org/journal/</a>                                                                                                     |  |   |               |             |
| 57 | Human<br>Extraction from<br>a Sequence of<br>Depth Images<br>Using<br>Segmentation<br>and Foreground<br>Detection                                                      | 4 | Không | Proceedings of The<br>Fifth International<br>Symposium on<br>Information and<br>Communication<br>Technology (SoICT<br>2014), Hanoi,<br>Vietnam, December 4-<br>5, 2014, ISBN: 978-1-<br>4503-2930-9, ACM<br>DL Digital Library,<br>pp.178-185,<br><a href="http://dx.doi.org/10.1145/2676585.2676624">http://dx.doi.org/10.1145/2676585.2676624</a> |  | 3 | 1 178-<br>185 | 12/201<br>4 |
| 58 | Balance Particle<br>Swarm<br>Optimization<br>and<br>Gravitational<br>Search<br>Algorithm for<br>Energy<br>Efficient in<br>Heterogeneous<br>Wireless Sensor<br>Networks | 4 | Không | Proceedings of The<br>2015 IEEE RIVF<br>International<br>Conference on<br>Computing &<br>Communication<br>Technologies-<br>Research, Innovation,<br>and Vision for Future<br>(RIVF), January 25-<br>28, 2015, Can Tho<br>University (CTU),<br>Vietnam. 978-1-4799-<br>8044-<br>4/15/\$31.00@2015<br>IEEE, pp.175                                    |  | 8 | 1 175-<br>179 | 01/201<br>5 |
| 59 | Combined<br>Plane and Point<br>Registration of<br>Sequential<br>Depth Images<br>for Indoor<br>Localization                                                             | 4 | Không | Proc. of the Third Intl.<br>Conf. on Advances in<br>Computing,<br>Electronics and<br>Electrical Technology<br>- CEET 2015, USA,<br>pp. 136-140, 04/2015,<br>ISBN: 978-1-63248-<br>056-9 doi: 10.15224/<br>978-1-63248-056-9-<br>85.                                                                                                                 |  | 1 | 1             | 04/201<br>5 |

|    |                                                                                                 |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                               |   |           |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|---|-----------|---------|
|    |                                                                                                 |   |       | <a href="http://seekdl.org/uploads/files/20150416_074047.pdf">http://seekdl.org/uploads/files/20150416_074047.pdf</a>                                                                                                                                                                                                                                                                      |                                               |   |           |         |
| 60 | A Heuristic approach for Bandwidth-delay guaranteed routing problem                             | 3 | Không | Journal of Science and Technology, VietNam Academy of Science and Technology, ISSN 0866-708X, pages 80-93, Vol.52, No.6C, 2014, Viet Nam, 05/2015                                                                                                                                                                                                                                          |                                               |   | 52 80-93  | 05/2015 |
| 61 | <a href="#">Coupled Multipath Congestion Control at Receiver in Content-Centric Networking</a>  | 6 | Không | The NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS 2015), IEEE, September 16-18, 2015, pp.239-242, Ho Chi Minh City, Vietnam, <a href="http://nafosted-nics.org/">http://nafosted-nics.org/</a>                                                                                                                                                                             |                                               | 1 | 1 239-242 | 09/2015 |
| 62 | <a href="#">Bandwidth Guaranteed Multicast Routing Algorithm</a>                                | 3 | Có    | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC) Vol.7, No.5, September 2015, ISSN:0974-9322 [Online]; 0975-2293 [Print], DOI: 10.5121/ijenc.2015.7505, pp.57-66, German, <a href="http://airccse.org/journal/ijc2015.html">http://airccse.org/journal/ijc2015.html</a> , <a href="http://airccse.org/journal/ijc2015.html">http://airccse.org/journal/ijc2015.html</a> |                                               |   | 7 57-66   | 09/2015 |
| 63 | <a href="#">Sequential Multidimensional Scaling with Kalman Filtering for Location Tracking</a> | 4 | Không | International Journal of Distributed Sensor Networks, pp.1-12, Oct. 2015, SCIE, Impact Factor 0.665, ISSN: 1550-1477, HINDAWI PUBLISHING CORPORATION, 410 PARK AVENUE, 15TH FLOOR, #287 PMB, NEW YORK,                                                                                                                                                                                     | SCIE, IF= 1.787<br>Scopus Q2 - SCIE IF: 1.787 | 2 | 1-12      | 10/2015 |



|    |                                                                                                  |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |   |             |         |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|-------------|---------|
|    |                                                                                                  |   |       | USA, NY, 10022,<br><a href="http://www.hindawi.com/journals/ijdsn">http://www.hindawi.com/journals/ijdsn</a>                                                                                                                                                                                                         |  |   |             |         |
| 64 | <a href="#">Application of Wireless Sensor Networks Technology for Early Forest Fire Warning</a> | 3 | Có    | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science and Technology, Journal of Selected Areas in Telecommunications (JSAT), 2015 Edition, Vol. 5, No. 5, ISSN 1925-2676, pages 01-06, October 2015, Canada, Website: <a href="http://www.cyberjournals.com/2015.html">http://www.cyberjournals.com/2015.html</a> ; |  |   | 5, 5, 01-06 | 10/2015 |
| 65 | <a href="#">Energy Efficiency S-MAC Protocol for Wireless Sensor Networks</a>                    | 3 | Có    | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science and Technology, Journal of Selected Areas in Telecommunications (JSAT), 2015 Edition, Vol. 5, No. 6, ISSN 1925-2676, pages 01-06, October 2015, Canada, Website: <a href="http://www.cyberjournals.com/2015.html">http://www.cyberjournals.com/2015.html</a> ; |  | 2 | 5, 6, 01-06 | 10/2015 |
| 66 | <a href="#">A Proposal to Reduce Energy Consumption for Wireless Sensor Network</a>              | 2 | Có    | Cyber Journals: Multidisciplinary Journals in Science and Technology, Journal of Selected Areas in Telecommunications (JSAT), 2015 Edition, Vol. 5, No.7, ISSN 1925-2676, pages 01-04, October 2015, Canada, Website: <a href="http://www.cyberjournals.com/2015.html">http://www.cyberjournals.com/2015.html</a> ;  |  |   | 5, 7, 01-04 | 10/2015 |
| 67 | Giải Thuật Phòng Trách Tình Trạng Quá                                                            | 2 | Không | Proceedings of The 2015 National Conference on                                                                                                                                                                                                                                                                       |  |   | 1 66-70     | 12/2015 |

|    |                                                                                                       |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                                                                           |   |                 |             |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------|---|-----------------|-------------|
|    | Tải Trọng Điện<br>Toán Đám Mây                                                                        |   |       | Electronics,<br>Communications and<br>Information<br>Technology ECIT<br>2015, pages 66-70,<br>ISBN: 978-604-67-<br>0635-9, December,<br>10-11, 2015                                                                                                                                                                                               |                                                                           |   |                 |             |
| 68 | Position<br>Rectification<br>with Depth<br>Camera to<br>Improve<br>Odometry-<br>Based<br>Localization | 4 | Không | Proceedings of The<br>International<br>Conference on<br>Computing,<br>Management &<br>Telecommunications<br>Conference<br>(ComManTel 2015),<br>December 28—29,<br>2015, Duy Tan<br>University, Da Nang,<br>Vietnam, pages 147-<br>152, 978-1-4673-<br>6547-5/15/\$31.00<br>©2015 IEEE,<br><a href="http://commantel.net">http://commantel.net</a> |                                                                           | 3 | 1 147-<br>152   | 12/201<br>5 |
| 69 | Delay-Energy<br>Aware<br>Clustering<br>Multi-hop<br>Routing in<br>Wireless Sensor<br>Networks         | 3 | Không | Proceedings of The<br>7th International<br>Conference on<br>Information Science<br>and Applications,<br>ICISA2016, February<br>15-18, Ho Chi Minh,<br>Viet Nam, ISSN 1876-<br>1100 ISSN 1876-1119<br>(electronic), Lecture<br>Notes in Electrical<br>Engineering, ISBN<br>978-981-10-0556-5,<br>ISBN 97                                           | Book<br>Chapter, IF<br>(Scopus) =<br>0.28 -<br>Scopus <i>IF</i> :<br>0.28 | 5 | 1 31-40         | 02/201<br>6 |
| 70 | Optimizing<br>Energy<br>Consumption<br>with Delay<br>Constraint in<br>Wireless Sensor<br>Networks     | 4 | Không | Proceedings of ICTCC<br>2016 - Second<br>International<br>Conference on Nature<br>of Computation and<br>Communication,<br>March 17-18, 2016 -<br>Rach Gia, Vietnam,<br>LNICST Vol.168,<br>pp.113-123, 2016,<br>Springer, ISSN 1867-                                                                                                               | IF (0.28)<br>Scopus -<br>Scopus <i>IF</i> :<br>0.28                       |   | 168 113-<br>123 | 03/201<br>6 |

|    |                                                                                                                                        |   |    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                       |    |                   |             |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----|-------------------|-------------|
|    |                                                                                                                                        |   |    | 8211 ISSN 1867-822X<br>(electronic), Lecture<br>Notes of the Ins                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                       |    |                   |             |
| 71 | Study the effect<br>of parameters to<br>load balancing<br>in Cloud<br>Computing                                                        | 2 | Có | International Journal<br>of Computer<br>Networks &<br>Communications<br>(IJCNC) Vol.8, No.3,<br>May 2016.<br>ISSN:0974-9322<br>[Online]; 0975-2293<br>[Print], DOI:<br>10.5121/ijcnc.2016.83<br>03, pp.33-45, Scopus,<br>the Australian<br>Research Council<br>(ARC) Journal<br>Ranking,<br><a href="http://airccse.or">http://airccse.or</a>                                       | IF (Scopus)<br>= 0.51 -<br>Scopus <i>IF</i> :<br>0.51 | 16 | 8 33-45           | 05/201<br>6 |
| 72 | Energy Savings<br>in Applications<br>for Wireless<br>Sensor<br>Networks time<br>critical<br>requirements                               | 2 | Có | International Journal<br>of Computer<br>Networks &<br>Communications<br>(IJCNC) Vol.8, No.4,<br>July 2016. ISSN:0974-<br>9322 [Online]; 0975-<br>2293 [Print], DOI:<br>10.5121/ijcnc.2016.84<br>03, pp.47-58, Scopus,<br>the Australian<br>Research Council<br>(ARC) Journal<br>Ranking,<br><a href="http://airccse.o">http://airccse.o</a>                                         | IF (Scopus)<br>= 0.51 -<br>Scopus <i>IF</i> :<br>0.51 |    | 8 47-58           | 07/201<br>6 |
| 73 | Trade-off<br>between Energy<br>and Delay<br>Based on a<br>Multi-objective<br>Optimization<br>Problem for<br>Wireless Sensor<br>Network | 3 | Có | Journal of<br>Communication and<br>Computer 13 (2016)<br>185-194 (JCC) Vol.13,<br>No.4, April. 2016.<br>ISSN:1930-1553<br>[Online]; 1548-7709<br>[Print],<br>doi:10.17265/1548-<br>7709/2016.04.006,<br>pp.185-194, Database<br>of EBSCO,<br>Massachusetts, USA.<br><a href="http://www.davidpubli">http://www.davidpubli</a><br><a href="http://www.davidpubli">sher.com/index</a> |                                                       |    | 13, 4,<br>185-194 | 04/201<br>6 |

|    |                                                                                                |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                                |    |                |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----|----------------|---------|
| 74 | Delay-Constrained Energy-Efficient Cluster-based Multi-Hop Routing in Wireless Sensor Networks | 3 | Không | JOURNAL OF COMMUNICATIONS AND NETWORKS, Volume 18, Number 4, August 2016, ISSN 1229-2370 Print / eISSN 1976-5541 Online, pp.580-588, Digital object identifier 10.1109/JCN.2016.00081, 1229-2370/16/\$10.00 c 2016 KICS, Best paper <a href="http://jcn.or.kr/home/eng/">http://jcn.or.kr/home/eng/</a> | SCIE, IF = 1.632<br>Scopus Q2 - SCIE IF: 1.632 | 75 | 18, 4, 580-588 | 08/2016 |
| 75 | Energy Consumption Improvement of Traditional Clustering Method in Wireless Sensor Network     | 2 | Có    | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC) Vol.8, No.5, September 2016. ISSN:0974-9322 [Online]; 0975-2293 [Print], DOI: 10.5121/ijcnc.2016.8504, pp.41-51, Scopus, the Australian Research Council (ARC) Journal Ranking, <a href="http://airc">http://airc</a>               | IF (Scopus) = 0.51 - Scopus IF: 0.51           | 1  | 8, 5, 41-51    | 09/2016 |
| 76 | An enhanced Security for Government base on Multifactor Biometric Authentication               | 3 | Có    | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC) Vol.8, No.6, November 2016, ISSN:0974-9322 [Online]; 0975-2293 [Print], DOI:10.5121/ijcnc.2016.8605, pp.55-72, Scopus, the Australian Research Council (ARC) Journal Ranking, <a href="http://airccs">http://airccs</a>             | IF (Scopus) = 0.51 - Scopus IF: 0.51           | 1  | 8, 6, 55-72    | 11/2016 |
| 77 | A Distributed Heuristic                                                                        | 3 | Không | REV Journal on Electronics and                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                |    | 6, 3, 40-49    | 01/2017 |

|    |                                                                                                    |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                                                |    |             |         |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|----|-------------|---------|
|    | Algorithm for Delay Constrained Energy Efficient Routing in Wireless Sensor Networks               |   |       | Communications, Vol. 6, No. 3–4, July–December, 2016. online 31 January 2017, Digital Object Identifier: 10.21553/rev-jec.114, 1859-378X–2016-3401 c 2016 REV. pp.40-49. <a href="http://rev-jec.org/index.php/rev-jec/article/view/114/1">http://rev-jec.org/index.php/rev-jec/article/view/114/1</a>                                                                                                                |                                                |    |             |         |
| 78 | A Load Balancing Game Approach for VM Provision Cloud Computing Based on Ant Colony Optimization   | 3 | Không | ICCASA 2016, © ICST Institute for Computer Sciences, Social Informatics and Telecommunications Engineering 2017 P. Cong Vinh et al. (Eds.): ICCASA 2016, LNICST 193, pp. 52–63, 04/2017. DOI: 10.1007/978-3-319-56357-2_6, Springer, <a href="https://www.dropbox.com/s/">https://www.dropbox.com/s/</a>                                                                                                              |                                                |    | 52–63       | 04/2017 |
| 79 | Delay Constraint Energy Efficient Routing Based on Lagrange Relaxation in Wireless Sensor Networks | 4 | Không | IET Wireless Sensor Systems, 26 June 2017, Publisher: the Institution of Engineering and Technology (the IET), DOI: <a href="http://dx.doi.org/10.1049/iet-wss.2017.0038">http://dx.doi.org/10.1049/iet-wss.2017.0038</a> , ISSN 1751-8644, <a href="http://digital-library.theiet.org/content/journals/10.1049/iet-wss.2017.0038">http://digital-library.theiet.org/content/journals/10.1049/iet-wss.2017.0038</a> , | ESCI, IF = 3.526<br>Scopus Q2 - ESCI IF: 3.526 | 10 |             | 06/2017 |
| 80 | Improving Distributed Energy Efficient Clustering Algorithm to Save Lifetime for                   | 4 | Không | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC) Vol.9, No.4, July 2017, DOI: 10.5121/ijenc.2017.9407, pp.81-96, ISSN 0974-9322 (Online),                                                                                                                                                                                                                                                          | IF (Scopus) = 0.51 - Scopus IF: 0.51           |    | 9, 4, 81-96 | 07/2017 |

|    |                                                                                           |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                      |   |             |         |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|---|-------------|---------|
|    | Heterogeneous WSN                                                                         |   |       | 0975- 2293 (Print),<br>Scopus<br><a href="http://airccse.org/journal/ijc2017.html">http://airccse.org/journal/ijc2017.html</a> ,<br><a href="http://airconline.com/ijcnc/V">http://airconline.com/ijcnc/V</a>                                                                                                                                                                              |                                      |   |             |         |
| 81 | A Proposal to Improve SEP Routing Protocol using Fuzzy C-Means in Wireless Sensor Network | 4 | Không | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC) Vol.9, No.6, November 2017, DOI: 10.5121/ijcnc.2017.9604, pp.47-56, ISSN 0974-9322 (Online), 0975- 2293 (Print), Scopus,<br><a href="http://airccse.org/journal/ijc2017.html">http://airccse.org/journal/ijc2017.html</a> ,<br><a href="http://airconline.com/ij">http://airconline.com/ij</a>                         | IF (Scopus) = 0.51 - Scopus IF: 0.51 |   | 9, 6, 47-56 | 11/2017 |
| 82 | Load Balancing Algorithm to Improve Response time on Cloud Computing                      | 2 | Không | International Journal on Cloud Computing: Services and Architecture (IJCCSA) Vol. 7, No. 6, December 2017, DOI: 10.5121/ijccsa.2017.7601, pp.1-12, ISSN 2231-5853,<br><a href="http://airccse.org/journal/ijccsa/current2017.html">http://airccse.org/journal/ijccsa/current2017.html</a> ,<br><a href="http://airconline.com/ijccsa/V7N6/7617">http://airconline.com/ijccsa/V7N6/7617</a> |                                      | 9 | 7, 6, 1-12  | 12/2017 |
| 83 | A Fair VM Allocation for Cloud Computing based on Game Theory                             | 5 | Không | Proceedings of the 10th National Conference on Fundamental and Applied Information Technology Research (FAIR'10), Da Nang, Viet Nam, 17-18/08/2017, pp. 396-406 DOI: 10.15625/vap.2017.00048, ISBN: 978-604-913-614-6                                                                                                                                                                      |                                      |   | 396-406     | 08/2017 |

|    |                                                                                                                           |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                      |    |              |         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|----|--------------|---------|
| 84 | Improving Network Lifetime in Wireless Sensor Network Using Fuzzy Logic Based Clustering Combined With Mobile Sink        | 4 | Không | ICACT 2018 (The 20th International Conference on Advanced Communication Technology), <a href="http://www.icact.org">http://www.icact.org</a> , Publication Date: 11-14 Feb.2018, On page(s): 113-119, Korea, Indexed by Scopus and EI Compendex, ISSN: 1738-9445, ISBN: 979-11-88428-00-7(CD), 97                                                               |                                      | 3  | 113-119      | 02/2018 |
| 85 | Proposed Load Balancing Algorithm to Reduce Response time and Processing time on Cloud Computing                          | 4 | Không | International Journal of Computer Networks & Communications (IJCNC) Vol.10, No.3, May 2018, DOI: 10.5121/ijcnc.2018.10307, pp.87-98, ISSN 0974-9322 (Online), 0975- 2293 (Print), Scopus, <a href="http://airccse.org/journal/ijc2018.html">http://airccse.org/journal/ijc2018.html</a> , <a href="http://aircconline.com/ijcn">http://aircconline.com/ijcn</a> | IF (Scopus) = 0.51 - Scopus IF: 0.51 | 22 | 10, 3, 87-98 | 05/2018 |
| 86 | An auto-scaling VM game approach for multi-tier application with Particle swarm optimization algorithm in Cloud computing | 6 | Không | 2018 International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC) , ATC 2018, 18-20 October 2018 in Ho Chi Minh City, Vietnam. IEEE catalog number: CFP18ATC-USB, ISBN: 978-1-5386-6541-1, ISSN: 2162-1039, 978-1-5386-6542-8/18/\$31.00 ©2018 IEE                                                                                                |                                      |    | 326-331      | 10/2018 |
| 87 | An open Jackson                                                                                                           | 6 | Không | International Journal of Computer                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | IF (Scopus) = 0.51 -                 |    | 11, 1, 63-80 | 01/2019 |

|    |                                                                                    |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                 |   |         |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---|---------|---------|
|    | Network model for heterogeneous infrastructure as A service on Cloud Computing     |   |       | Networks & Communications (IJCNC) Vol.11, No.1, January 2019, DOI: 10.5121/ijenc.2019.11104, pp.63-80, ISSN 0974-9322 (Online), 0975- 2293 (Print), Scopus, <a href="http://airccse.org/journal/ijc2019.html">http://airccse.org/journal/ijc2019.html</a> , <a href="http://airconline.com/">http://airconline.com/</a> | Scopus IF: 0.51 |   |         |         |
| 88 | An Improvement of Fuzzy Logic Based Clustering Combined for Mobile Sink Algorithm  | 3 | Không | ICMLSC 2019 (Proceedings of The 3rd International Conference on Machine Learning and Soft Computing), pp.65-70, ACM New York, NY, USA @2019 (ISBN: 978-1-4503-6612-0), indexed by Ei Compendex, Scopus, Da Lat, Vietnam, January 25-28, 2019, <a href="https://dl.acm.org">https://dl.acm.org</a>                       |                 |   | 65-70   | 01/2019 |
| 89 | MMSIA: Improved Max-Min Scheduling Algorithm for Load Balancing on Cloud Computing | 4 | Có    | ICMLSC 2019 (Proceedings of The 3rd International Conference on Machine Learning and Soft Computing), pp.60-64 ACM New York, NY, USA @2019 (ISBN: 978-1-4503-6612-0), indexed by Ei Compendex, Scopus, Da Lat, Vietnam, January 25-28, 2019, <a href="https://dl.acm.org">https://dl.acm.org</a>                        |                 | 9 | 60-64   | 01/2019 |
| 90 | A MOVING DIRECTION PROPOSAL TO SAVE ENERGY CONSUMPTION FOR                         | 6 | Có    | ICACT 2019 (The IEEE 21st International Conference on Advanced Communication Technology),                                                                                                                                                                                                                               |                 | 2 | 107-110 | 02/2019 |



|    |                                                                                                                                                  |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                         |   |                   |             |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---|-------------------|-------------|
|    | MOBILE SINK<br>IN WIRELESS<br>SENSOR<br>NETWORK                                                                                                  |   |       | http://www.icact.org,<br>Publication Date: 17-<br>20 Feb.2019, On<br>page(s): 107-110,<br>Korea, ISSN: 1738-<br>9445, ISBN: 979-11-<br>88428-03-8, 979-11-<br>88428-01-4(Pdf),<br>IEEE Catalog                                                                                                               |                                         |   |                   |             |
| 91 | Using Fuzzy<br>logic and search<br>algorithms to<br>balance<br>consumption<br>power and<br>maximum<br>lifespan for<br>wireless sensor<br>network | 4 | Không | Journal of Science &<br>Technology on<br>Information and<br>Communications,<br>ISSN: 2525-2224,<br>pp.16-21,<br>04(CS.01)2018, PTIT,<br>01/2019                                                                                                                                                              |                                         |   | 16-21             | 01/201<br>9 |
| 92 | Thuật toán cân<br>bằng tải nhằm<br>giảm thời gian<br>đáp ứng dựa<br>vào ngưỡng<br>thời gian trên<br>điện toán đám<br>mây                         | 3 | Không | Journal of Science &<br>Technology on<br>Information and<br>Communications,<br>ISSN: 2525-2224,<br>pp.43-48,<br>04(CS.01)2018, PTIT,<br>01/2019                                                                                                                                                              |                                         |   | 43-48             | 01/201<br>9 |
| 93 | Human Organ<br>Classifications<br>from Computed<br>Tomography<br>Images Using<br>Deep-<br>Convolutional<br>Neural Network                        | 4 | Không | 6th International<br>Conference on the<br>Development of<br>Biomedical<br>Engineering in<br>Vietnam (BME6),<br>IFMBE Proceedings<br>63, DOI 10.1007/978-<br>981-10-4361-1_158,<br>Chapter No 158, Book<br>ID 418946_1_Ea,<br>ISBN: 978-981-10-<br>4360-4, Date 17-4-<br>2017, pp.917-923,<br>Copyright Holde | Book<br>Chapter<br>Indexed by<br>Scopus | 1 | 158, 917-<br>923  | 04/201<br>7 |
| 94 | A proactive<br>fault tolerance<br>approach for<br>cloud<br>computing<br>based on                                                                 | 5 | Không | IJLTET (International<br>Journal of Latest<br>Trends in Engineering<br>and Technology), Vol.<br>(13)Issue(3), pp.016-<br>027, DOI:                                                                                                                                                                           |                                         |   | 13, 3,<br>016-027 | 05/201<br>9 |

|    |                                                                                          |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                 |  |  |         |         |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|---------|---------|
|    | Takagi-Sugeno fuzzy system and Simulated Annealing algorithm                             |   |       | <a href="http://dx.doi.org/10.21172/1.133.03">http://dx.doi.org/10.21172/1.133.03</a> , e-ISSN:2278-621X, ISSN (Printed): 2319-3778, IMPACT FACTOR : 4.490, May, 2019, <a href="https://www.ijltet.org/a">https://www.ijltet.org/a</a>                                          |  |  |         |         |
| 95 | Developing the New Proposal of Intelligence System in Heart and Cardiovascular Diagnosis | 4 | Không | 2019 6th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS), Ha Noi, Vietnam, December 12-13, 2019, 978-1-7281-5163-2/19/\$31.00 ©2019 IEEE, pp.246-250                                                                                                             |  |  | 246-250 | 12/2019 |
| 96 | Early Phase Warning Solution About System Security Based on Log Analysis                 | 4 | Không | 2019 6th NAFOSTED Conference on Information and Computer Science (NICS), Ha Noi, Vietnam, December 12-13, 2019, 978-1-7281-5163-2/19/\$31.00 ©2019 IEEE, pp.398-403                                                                                                             |  |  | 398-403 | 12/2019 |
| 97 | Cải tiến bản đồ tổ chức tự động (SOM) cho hệ thống phát hiện xâm nhập                    | 3 | Không | Tạp chí Khoa Học Công Nghệ, Thông Tin và Truyền Thông, Điện tử Viễn thông và Công nghệ Thông tin, Học Viện CNBCVT, ISSN: 2525-2224, số 03&04(CS.01)2019, 12/2019. trang 56- 61, <a href="http://jstic.ptit.edu.vn/index.php/jstic">http://jstic.ptit.edu.vn/index.php/jstic</a> |  |  | 56- 61  | 12/2019 |
| 98 | MSRTIA: A Proposal To Reduce The Response Time For Load Balancing On Cloud Computing     | 3 | Có    | Tạp chí Khoa Học Công Nghệ, Thông Tin và Truyền Thông, Điện tử Viễn thông và Công nghệ Thông tin, Học Viện CNBCVT, ISSN: 2525-2224, số 01(CS.01)2020,                                                                                                                           |  |  | 63- 70  | 05/2020 |

|     |                                                                                                                                   |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |  |  |              |         |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|--|--------------|---------|
|     |                                                                                                                                   |   |       | 05/2020. trang 63- 70,<br><a href="http://jstic.ptit.edu.vn/index.php/jstic">http://jstic.ptit.edu.vn/index.php/jstic</a>                                                                                                                                                                                                                               |  |  |              |         |
| 99  | Blockchain application in authentication high-school students' transcript                                                         | 4 | Có    | Tạp chí Khoa Học Công Nghệ, Thông Tin và Truyền Thông, Điện tử Viễn thông và Công nghệ Thông tin, Học Viện CNBCVT, ISSN: 2525-2224, số 01(CS.01)2020, 05/2020. trang 85- 94, <a href="http://jstic.ptit.edu.vn/index.php/jstic">http://jstic.ptit.edu.vn/index.php/jstic</a>                                                                            |  |  | 85- 94       | 05/2020 |
| 100 | A load balancing VMs migration approach for multi-tier application in cloud computing based on Fuzzy set and Q-Learning algorithm | 5 | Không | The Fifth International Conference on Research in Intelligent and Computing in Engineering (RICE 2020), the conference to be held at Thu Dau Mot University (TDMU), Vietnam; during, June 3-4, 2020, pp.1-9, indexing services: EI-Compendex, ISI Web of Scien                                                                                          |  |  | 1-9          | 06/2020 |
| 101 | MCCVA: A NEW APPROACH USING SVM AND KMEANS FOR LOAD BALANCING ON CLOUD                                                            | 4 | Không | International Journal on Cloud Computing: Services and Architecture (IJCCSA) Vol. 10, No. 3, June 2020, DOI: 10.5121/ijccsa.2020.10302, pp.1-14, ISSN 2231-5853 (Online), ISSN 2231-6663 (Print), <a href="http://airccse.org/journal/ijccsa/current2020.html">http://airccse.org/journal/ijccsa/current2020.html</a> , <a href="https://">https://</a> |  |  | 10, 3, 1-14  | 06/2020 |
| 102 | LOAD BALANCING ALGORITHM ON CLOUD COMPUTING FOR                                                                                   | 3 | Không | International Journal on Cloud Computing: Services and Architecture (IJCCSA) Vol. 10, No. 3, June 2020, DOI:                                                                                                                                                                                                                                            |  |  | 10, 3, 15-29 | 06/2020 |

|     |                                                                                                                                            |   |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                        |  |                         |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|-------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--|-------------------------|-------------|
|     | OPTIMIZE<br>RESPONSE<br>TIME                                                                                                               |   |       | 10.5121/ijccsa.2020.1<br>0302, pp.15-29, ISSN<br>2231-5853 (Online),<br>ISSN 2231-6663<br>(Print),<br><a href="http://airccse.org/journal/ijccsa/current2020.html">http://airccse.org/journal/ijccsa/current2020.html</a> , <a href="https://">https://</a>                                                                                                                                                     |                                                        |  |                         |             |
| 103 | A fault<br>detection and<br>diagnosis<br>approach for<br>multi-tier<br>application in<br>cloud<br>computing                                | 5 | Không | JOURNAL OF<br>COMMUNICATIONS<br>AND NETWORKS,<br>pp.399-414, Vol.22,<br>No.5, October 2020,<br>ISSN 1229-2370 Print<br>/ eISSN 1976-<br>5541 Online, 1229-<br>2370/19/\$10.00 c<br>2020 KICS, Digital<br>Object Identifier:<br>10.1109/JCN.2020.00<br>0023,<br><a href="http://jcn.or.kr/html/?pmode=BBBS0000800001">http://jcn.or.kr/html/?pmode=BBBS0000800001</a>                                            | SCIE IF =<br>1.733<br>Scopus Q2 -<br>SCIE IF:<br>1.733 |  | 22, 5,<br>399-414       | 10/202<br>0 |
| 104 | Virtual<br>machines<br>migration game<br>approach for<br>multi-tier<br>application in<br>infrastructure as<br>a service cloud<br>computing | 4 | Không | IET Network_The<br>Institution of<br>Engineering and<br>Technology 2020,<br>ISSN 2047-4954,<br>Online ISSN 2047-<br>4962, Volume 9, Issue<br>6, November 2020, p.<br>326 – 337, doi:<br>10.1049/iet-<br>net.2019.0204,<br><a href="http://www.ietdl.org">www.ietdl.org</a> ,<br><a href="https://digital-library.theiet.org/content/journals/10.1">https://digital-library.theiet.org/content/journals/10.1</a> | ESCI IF =<br>4.1 Scopus<br>Q2 - ESCI<br>IF: 4.1        |  | 9, 6, 326<br>– 337      | 11/202<br>0 |
| 105 | Incorporate<br>ACO routing<br>algorithm and<br>mobile sink in<br>Wireless Sensor<br>Networks                                               | 2 | Có    | International Journal<br>of Electrical and<br>Computer Engineering<br>(IJECE), Vol. 11, No.<br>5, online 05/2021, p.<br>4194~4201 ISSN:<br>2088-8708, e-ISSN<br>2722-2578, DOI:<br>10.11591/ijece.v11i5.<br>pp4194~4201,                                                                                                                                                                                        | Scopus Q2 -<br>Scopus                                  |  | 11, 5,<br>4194~42<br>01 | 05/202<br>1 |

|     |                                                                                                       |   |    |                                                                                                                                                                                                                                                                 |                    |  |              |         |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--|--------------|---------|
|     |                                                                                                       |   |    | http://ijece.iaescore.com, SNIP: 1.144; SJR: 0.368; CiteScore: 1.                                                                                                                                                                                               |                    |  |              |         |
| 106 | GAME THEORY APPLICATION RESOURCES MANAGEMENT AND DISTRIBUTION IN BLOCKCHAIN NETWORK                   | 3 | Có | International Journal of Network Security & Its Applications (IJNSA), Vol.13, No.1, January 2021, p.67-80, ISSN: 0974-9330 [Online], 0975-2307 [Print], DOI: 10.5121/ijnsa.2021.13105, http://airccse.org/journal/ijnsa.html, https://aircconline.com/ijnsa/V13 |                    |  | 13, 1, 67-80 | 01/2021 |
| 107 | A virtual machine migration policy for multi-tier application in cloud computing based on game theory | 4 | Có | Journal of Cloud Computing (JCC), DOI: 10.21203/rs.3.rs-261767/v1, online 02 Jun 2021, Scopus Q2                                                                                                                                                                | Scopus Q2 - Scopus |  |              | 06/2021 |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 6 ( [71] [72] [75] [76] [105] [107] )

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

| TT       | Tên bài báo/báo cáo KH | Số tác giả | Là tác giả chính | Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN | Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành | Tập, số, trang | Tháng, năm công bố |
|----------|------------------------|------------|------------------|-------------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------|--------------------|
| Không có |                        |            |                  |                                                 |                                         |                |                    |

- Trong đó, số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: 0

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

| TT       | Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích | Tên cơ quan cấp | Ngày tháng năm cấp | Tác giả chính/ đồng tác giả | Số tác giả |
|----------|------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------------|------------|
| Không có |                                                |                 |                    |                             |            |

- Trong đó, số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

| TT       | Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT | Cơ quan/tổ chức công nhận | Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm) | Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế | Số tác giả |
|----------|--------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------------------|----------------------------------|------------|
| Không có |                                                              |                           |                                          |                                  |            |

- Trong đó, số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

| T T | Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN        | Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia) | Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm) | Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng      | Văn bản đưa vào áp dụng thực tế        | Ghi Chú  |
|-----|--------------------------------------------------------------------|--------------------------------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|----------------------------------------|----------|
| 1   | Chương trình Đào tạo ngành: Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa     | Tham gia                       | QĐ Số: 2080/QĐ-HV, ngày 03/04/2019           | Học Viện Công Nghệ Bưu Chính Viễn Thông | QĐ Số: 200/QĐ-HV, ngày 30/03/2020      | Bộ GD&ĐT |
| 2   | Chương trình Đào tạo ngành: Công nghệ kỹ thuật điện tử, viễn thông | Tham gia                       | QĐ Số: 1103/QĐ-ĐHSG, ngày 11/06/2020         | Trường Đại học Sài Gòn                  | QĐ số : 2058/QĐ- ĐHSG, ngày 08/09/2020 | Bộ GD&ĐT |
| 3   | Chương trình Đào tạo ngành: Kỹ thuật điện tử, viễn thông           | Tham gia                       | QĐ Số: 1104/QĐ-ĐHSG, ngày 11/06/2020         | Trường Đại học Sài Gòn                  | QĐ số : 2058/QĐ- ĐHSG, ngày 08/09/2020 | Bộ GD&ĐT |
| 4   | Chương trình Đào tạo ngành: Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử       | Tham gia                       | QĐ Số: 1105/QĐ-ĐHSG, ngày 11/06/2020         | Trường Đại học Sài Gòn                  | QĐ số : 2058/QĐ- ĐHSG, ngày 08/09/2020 | Bộ GD&ĐT |

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm: thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ: thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì không đủ 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

### **C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 01 năm 2022

Người đăng ký

(Ký và ghi rõ họ tên)